ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH HOÀNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1775 /QĐ-UBND	*Vĩnh Hoàng, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của các Đội dân phòng trên địa bàn xã Vĩnh Hoàng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH HOÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Nghị định số 347/2026/NĐ-CP ngày 08/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28/11/2023;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hoàng về việc thành lập các Đội dân phòng trên địa bàn xã Vĩnh Hoàng;

Theo đề nghị của Công an xã Vĩnh Hoàng tại Tờ trình số 1732/TTr-CAX ngày 01/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn xã Vĩnh Hoàng.

Điều 2. Quy chế này là căn cứ để tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của các Đội dân phòng; quy định trách nhiệm của Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã, Trưởng thôn, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn xã.

Điều 3. Giao Công an xã Vĩnh Hoàng là cơ quan thường trực giúp UBND xã hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; định kỳ

tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng Công an xã, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc UBND xã, Trưởng thôn, Đội trưởng các Đội dân phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Phòng PV01, PC07 - CAT;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBMTTQVN xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ban chỉ đạo PCCC và CNCH xã;
- Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo;
- Các thôn, các Đội dân phòng;
- Lưu: VT, CAX.

CHỦ TỊCH

Ký bởi: Phan Ngọc Khoa
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
Thời gian ký: 06/10/2026 16:11:33

Phan Ngọc Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của các Đội dân phòng trên địa bàn xã Vĩnh Hoàng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 06/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hoàng)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc tổ chức, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, chế độ phối hợp, quản lý lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, kinh phí, công tác huấn luyện, diễn tập, kiểm tra, chế độ thông tin, báo cáo, thi đua, khen thưởng và các nội dung khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn xã Vĩnh Hoàng.

2. Quy chế là căn cứ để UBND xã, Công an xã, Trưởng thôn, Đội trưởng Đội dân phòng, đội viên dân phòng và các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Đội dân phòng các thôn thuộc xã Vĩnh Hoàng.

2. Đội trưởng, Đội phó và đội viên Đội dân phòng.

3. Công an xã Vĩnh Hoàng.

4. Ban Chỉ huy Quân sự xã.

5. Công chức, người hoạt động không chuyên trách thuộc UBND xã có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

6. Các cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã khi tham gia phối hợp với Đội dân phòng.

7. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn xã.

Điều 3. Căn cứ pháp lý

Quy chế này được ban hành trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, bao gồm:

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2024,

3. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở năm 2023.

4. Luật Phòng thủ dân sự năm 2023.

5. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

6. Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

7. Nghị định số 347/2026/NĐ-CP ngày 08/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có hiệu lực).

8. Các nghị định, thông tư hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan.

9. Các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Trị, Công an tỉnh Quảng Trị và UBND xã Vĩnh Hoàng về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 4. Mục đích ban hành Quy chế

1. Quy định thống nhất nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng.

2. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa cháy, nổ và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ban đầu.

3. Phát huy vai trò của lực lượng dân phòng theo phương châm **"bốn tại chỗ"**, góp phần bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhà nước, tổ chức và Nhân dân.

4. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, các cơ quan, đơn vị và từng đội viên trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

5. Xây dựng lực lượng dân phòng chính quy, kỷ luật, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Đội dân phòng hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Chịu sự quản lý nhà nước của UBND xã; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Công an xã và cơ quan Công an có thẩm quyền.

3. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền địa phương và sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất chỉ huy, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm.

5. Thực hiện phương châm **"Chủ động phòng ngừa là chính; phòng ngừa tốt để giảm chữa cháy; chữa cháy kịp thời, hiệu quả; cứu người là ưu tiên hàng đầu"**.

6. Bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

7. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng cháy với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy.

Điều 6. Nguyên tắc phối hợp

1. Phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị.

2. Chủ động trao đổi thông tin, hỗ trợ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Khi xảy ra cháy, nổ hoặc sự cố, tai nạn phải chấp hành sự chỉ huy thống nhất của người có thẩm quyền.

4. Bảo đảm thông tin thông suốt, xử lý nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.

5. Sau mỗi vụ việc phải tổ chức rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp.

Điều 7. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Đội dân phòng** là lực lượng quần chúng được thành lập tại thôn theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại địa bàn.

2. **Đội viên dân phòng** là công dân được Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận tham gia Đội dân phòng.

3. **Đội trưởng Đội dân phòng** là người chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Đội.

4. **Chữa cháy ban đầu** là hoạt động sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ để xử lý đám cháy ngay từ khi mới phát sinh nhằm hạn chế cháy lan, giảm thiểu thiệt hại.

5. **Cứu nạn, cứu hộ ban đầu** là hoạt động tổ chức cứu người, hỗ trợ người bị nạn và xử lý sự cố trong phạm vi khả năng của lực lượng dân phòng trước khi lực lượng chuyên nghiệp đến hiện trường.

6. **Phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ** là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư được trang bị để phục vụ công tác phòng ngừa, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 8. Phương châm hoạt động

Đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ theo phương châm:

1. Chủ động phòng ngừa.

2. Phát hiện sớm.

3. Xử lý nhanh.

4. Chỉ huy thống nhất.

5. Phối hợp đồng bộ.

6. An toàn tuyệt đối cho lực lượng tham gia.

7. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

CHƯƠNG II
TỔ CHỨC CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 9. Tổ chức của Đội dân phòng

1. Mỗi thôn trên địa bàn xã thành lập 01 Đội dân phòng theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Đội dân phòng chịu sự quản lý trực tiếp của Chủ tịch UBND xã; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Công an xã; đồng thời chịu sự phối hợp, điều hành của Trưởng thôn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn.

3. Thành viên Đội dân phòng là công dân cư trú tại địa phương, có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, tự nguyện tham gia hoạt động và được Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận.

4. Số lượng đội viên của từng Đội dân phòng căn cứ quy mô dân số, diện tích địa bàn, tính chất nguy cơ cháy, nổ, yêu cầu thực tiễn của từng thôn và quy định của pháp luật.

5. Trụ sở sinh hoạt của Đội dân phòng đặt tại Nhà văn hóa thôn hoặc địa điểm khác do UBND xã quyết định.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức

1. Đội dân phòng gồm:

- Đội trưởng;
- 01 Đội phó;
- Các đội viên.

2. Đội trưởng, Đội phó do Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận theo đề nghị của Trưởng thôn sau khi thống nhất với Công an xã.

3. Đội viên được phân công theo từng tổ công tác hoặc lĩnh vực phụ trách, gồm:

a) Tổ chữa cháy;

b) Tổ cứu nạn, cứu hộ;

c) Tổ bảo đảm hậu cần, phương tiện;

d) Tổ thông tin liên lạc, cảnh giới, hướng dẫn thoát nạn.

Căn cứ tình hình thực tế của từng thôn, Đội trưởng quyết định việc phân công đội viên phù hợp, bảo đảm mỗi thành viên đều được giao nhiệm vụ cụ thể.

4. Khi cần thiết, Chủ tịch UBND xã quyết định kiện toàn, bổ sung hoặc thay thế Đội trưởng, Đội phó và đội viên theo đề nghị của Công an xã hoặc Trưởng thôn.

Điều 11. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Đội dân phòng hoạt động theo nguyên tắc:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật;
- Chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy xã, sự quản lý của UBND xã;
- Chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Công an xã;
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Quân sự xã, Trưởng thôn, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hoạt động theo chế độ tập thể, thống nhất chỉ huy; Đội trưởng là người chỉ huy cao nhất của Đội dân phòng.

3. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn hoặc có lệnh huy động, mọi đội viên phải chấp hành nghiêm sự chỉ huy của người có thẩm quyền.

4. Việc chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải đặt mục tiêu bảo vệ tính mạng con người lên hàng đầu; bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia; hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản và tác động đến môi trường.

5. Mọi hoạt động của Đội dân phòng phải được ghi chép, quản lý bằng sổ sách theo dõi; bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý lực lượng, trang thiết bị và kinh phí.

6. Đội dân phòng hoạt động theo phương châm **"phòng ngừa là chính, chủ động từ sớm, từ xa, xử lý kịp thời, hiệu quả theo phương châm 4 tại chỗ"**.

CHƯƠNG III
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 12. Nhiệm vụ của Đội dân phòng

1. Thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này.

2. Chủ động nắm tình hình, thường xuyên rà soát các khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu vực rừng, bãi tập kết vật liệu dễ cháy và các địa điểm có nguy cơ xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn; kịp thời báo cáo Công an xã, Trưởng thôn và kiến nghị biện pháp phòng ngừa.

3. Phối hợp với Công an xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hướng dẫn Nhân dân sử dụng điện, gas, nguồn lửa, nguồn nhiệt an toàn; vận động hộ gia đình trang bị

bình chữa cháy, dụng cụ phá dỡ, mở lối thoát nạn thứ hai và xây dựng mô hình an toàn về PCCC.

4. Tham gia kiểm tra điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy tại khu dân cư theo kế hoạch của UBND xã hoặc Công an xã; kịp thời phát hiện, nhắc nhở, hướng dẫn khắc phục những tồn tại, thiếu sót về an toàn PCCC.

5. Duy trì chế độ trực, thường trực lực lượng; tiếp nhận thông tin, tổ chức xử lý ban đầu khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn theo phương châm **"4 tại chỗ"**.

6. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn có trách nhiệm:

a) Báo động cho Nhân dân biết để chủ động phòng tránh và tham gia hỗ trợ khi cần thiết;

b) Báo ngay cho Công an xã, Chủ tịch UBND xã, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH theo số điện thoại khẩn cấp hoặc các kênh thông tin khác;

c) Nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện hiện có để chữa cháy, cứu người, cứu tài sản trong phạm vi khả năng;

d) Hướng dẫn thoát nạn, tổ chức sơ tán người, tài sản đến nơi an toàn;

đ) Thiết lập khu vực an toàn, cảnh giới, ngăn người không có nhiệm vụ vào khu vực nguy hiểm;

e) Bảo vệ hiện trường theo quy định sau khi đám cháy được khống chế hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7. Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

8. Quản lý, bảo quản, sử dụng đúng mục đích các phương tiện, trang thiết bị được giao; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và đề xuất sửa chữa, thay thế khi cần thiết.

9. Tham gia đầy đủ các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thường xuyên tự học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống.

10. Thực hiện chế độ thống kê, ghi chép sổ sách, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND xã, Trưởng Ban Chỉ đạo PCCC và CNCH xã hoặc Công an xã giao.

Điều 13. Quyền hạn của Đội dân phòng

1. Được huy động toàn bộ lực lượng, phương tiện của Đội để thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố trên địa bàn.

2. Được yêu cầu các đội viên có mặt đúng thời gian quy định khi nhận được lệnh huy động hoặc khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn.

3. Được đề xuất với Chủ tịch UBND xã, Công an xã các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kiến nghị đầu tư, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Đội.

4. Được tham gia xây dựng, góp ý phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã và của thôn.

5. Được yêu cầu các tổ chức, cá nhân trên địa bàn cung cấp thông tin liên quan đến nguy cơ cháy, nổ, sự cố, tai nạn để phục vụ công tác phòng ngừa.

6. Được tham gia các lớp huấn luyện, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; được cấp giấy chứng nhận huấn luyện theo quy định.

7. Được trang bị phương tiện, trang phục, công cụ hỗ trợ và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ theo khả năng ngân sách và quy định của pháp luật.

8. Được hưởng các chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng theo quy định của pháp luật.

9. Được đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích; kiến nghị xử lý đối với đội viên vi phạm hoặc các tổ chức, cá nhân cản trở hoạt động của Đội dân phòng.

10. Được từ chối thực hiện nhiệm vụ khi việc thực hiện trái quy định của pháp luật hoặc vượt quá khả năng chuyên môn, trừ trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Các hành vi Đội dân phòng không được thực hiện

1. Lợi dụng danh nghĩa Đội dân phòng để sách nhiễu, gây phiền hà hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật.

2. Tự ý huy động lực lượng, phương tiện ngoài phạm vi nhiệm vụ hoặc không đúng thẩm quyền.

3. Tự ý sử dụng phương tiện, trang thiết bị của Đội vào mục đích cá nhân.

4. Tiết lộ thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được phép công bố liên quan đến vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn.

5. Bỏ vị trí, từ chối thực hiện nhiệm vụ hoặc rời khỏi hiện trường khi chưa được người chỉ huy cho phép.

6. Uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích trước và trong khi thực hiện nhiệm vụ.

7. Có hành vi thiếu trách nhiệm, gây mất đoàn kết nội bộ hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của Đội dân phòng.

8. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

CHƯƠNG IV
TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỘI TRƯỞNG, ĐỘI PHÓ VÀ ĐỘI VIÊN

Điều 15. Trách nhiệm của Đội trưởng

1. Đội trưởng là người đứng đầu Đội dân phòng, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã, Trưởng Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xã, Trưởng Công an xã và Trưởng thôn về toàn bộ hoạt động của Đội dân phòng.

2. Tổ chức điều hành mọi hoạt động của Đội dân phòng theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Đội phó, đội viên; bảo đảm mọi thành viên đều được giao nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế.

4. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tháng, quý, năm của Đội; tổ chức triển khai sau khi được cấp có thẩm quyền thống nhất.

5. Chủ trì xây dựng phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ đối với khu dân cư; định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

6. Chủ trì tổ chức thực hiện các đợt tuyên truyền, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thôn.

7. Duy trì chế độ trực, phân công lực lượng trực trong các dịp lễ, tết, mùa nắng nóng, mùa mưa bão hoặc các thời điểm có nguy cơ cháy, nổ cao.

8. Tiếp nhận thông tin về cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện và trực tiếp chỉ huy xử lý ban đầu cho đến khi lực lượng có thẩm quyền đến hiện trường.

9. Trong quá trình chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm:

a) Đánh giá nhanh tình hình hiện trường;

b) Xác định khu vực nguy hiểm;

c) Chỉ huy triển khai lực lượng chữa cháy, cứu người, cứu tài sản theo nguyên tắc ưu tiên cứu người trước, cứu tài sản sau;

d) Bố trí lực lượng cảnh giới, giữ gìn an ninh, trật tự khu vực xảy ra sự cố;

đ) Kịp thời báo cáo Công an xã, Chủ tịch UBND xã khi vụ việc vượt quá khả năng xử lý của Đội.

10. Quản lý toàn bộ hồ sơ, tài liệu, sổ sách của Đội dân phòng.

11. Chỉ đạo kiểm kê, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị; kịp thời đề xuất sửa chữa, thay thế hoặc bổ sung khi cần thiết.

12. Định kỳ hằng tháng kiểm tra toàn bộ phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Đội; lập biên bản kiểm tra và lưu hồ sơ.

13. Tổ chức họp rút kinh nghiệm sau mỗi vụ cháy, sự cố, tai nạn hoặc sau mỗi đợt diễn tập.

14. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

15. Đề xuất khen thưởng đối với đội viên có thành tích; kiến nghị xử lý đội viên vi phạm.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND xã, Công an xã hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo giao.

Điều 16. Trách nhiệm của Đội phó

1. Giúp Đội trưởng điều hành các hoạt động của Đội.

2. Chịu trách nhiệm trước Đội trưởng về lĩnh vực được phân công.

3. Thay mặt Đội trưởng điều hành hoạt động của Đội khi được ủy quyền hoặc khi Đội trưởng vắng mặt.

4. Trực tiếp phụ trách một hoặc nhiều lĩnh vực sau:

a) Công tác tuyên truyền;

b) Công tác huấn luyện;

c) Công tác kiểm tra an toàn PCCC;

d) Công tác quản lý phương tiện;

đ) Công tác hậu cần.

5. Theo dõi việc chấp hành nội quy, quy chế của đội viên.

6. Kiểm tra việc bảo quản phương tiện được giao.

7. Đôn đốc đội viên tham gia đầy đủ các hoạt động của Đội.

8. Tổng hợp tình hình thuộc lĩnh vực phụ trách để báo cáo Đội trưởng.

9. Tham gia chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo sự phân công.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đội trưởng giao.

Điều 17. Trách nhiệm của đội viên

1. Chấp hành nghiêm Hiến pháp, pháp luật, Quy chế này và sự phân công của Đội trưởng.

2. Có mặt đúng thời gian khi nhận được lệnh huy động.

3. Tham gia đầy đủ các buổi:

- Họp Đội;
- Huấn luyện nghiệp vụ;
- Diễn tập;
- Kiểm tra phương tiện;
- Tuyên truyền;
- Các hoạt động khác của Đội.

4. Thường xuyên tự nghiên cứu, học tập để nâng cao kiến thức và kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

5. Bảo quản phương tiện được giao; phát hiện hư hỏng phải báo ngay cho Đội trưởng.

6. Không tự ý cho mượn, sử dụng hoặc mang phương tiện của Đội ra khỏi nơi bảo quản khi chưa được phép.

7. Khi xảy ra cháy, nổ phải nhanh chóng có mặt tại địa điểm tập kết theo lệnh huy động.

8. Thực hiện đúng mệnh lệnh của người chỉ huy; không tự ý thay đổi nhiệm vụ hoặc rời khỏi hiện trường.

9. Chủ động tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

10. Kịp thời báo cáo Đội trưởng khi phát hiện nguy cơ cháy, nổ hoặc các hành vi vi phạm quy định về an toàn PCCC.

11. Giữ gìn đoàn kết nội bộ; có tinh thần trách nhiệm, hỗ trợ đồng đội trong thực hiện nhiệm vụ.

12. Chịu trách nhiệm trước Đội trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Chế độ phân công, ủy quyền và thay thế chỉ huy

1. Khi Đội trưởng vắng mặt, Đội phó được Đội trưởng phân công hoặc được Chủ tịch UBND xã chỉ định có trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động của Đội.

2. Khi cả Đội trưởng và Đội phó đều vắng mặt, đội viên có kinh nghiệm, năng lực theo phân công trước đó của Đội trưởng tạm thời chỉ huy Đội cho đến khi người có thẩm quyền tiếp nhận chỉ huy.

3. Việc bàn giao nhiệm vụ chỉ huy phải được thực hiện đầy đủ, rõ ràng; đối với trường hợp có thời gian vắng mặt từ 07 ngày trở lên phải lập biên bản bàn giao.

4. Người được giao quyền chỉ huy có đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm như Đội trưởng trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Trách nhiệm nêu gương và đạo đức công vụ

1. Đội trưởng, Đội phó và đội viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong chấp hành pháp luật và thực hiện nhiệm vụ.

2. Không được lợi dụng danh nghĩa Đội dân phòng để vụ lợi, sách nhiễu hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của tổ chức, cá nhân.

3. Có trách nhiệm giữ gìn uy tín, hình ảnh của Đội dân phòng; ứng xử văn minh, đúng mực với Nhân dân.

4. Thực hiện nghiêm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 20. Trách nhiệm trong quản lý hồ sơ, tài liệu

1. Đội trưởng chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ hồ sơ của Đội, bao gồm:

- Danh sách đội viên;
- Quyết định thành lập Đội;
- Quyết định công nhận Đội trưởng, Đội phó;
- Kế hoạch hoạt động;
- Phương án chữa cháy;
- Sổ trực;
- Sổ kiểm tra phương tiện;
- Sổ huấn luyện;
- Sổ theo dõi vụ việc;
- Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật;
- Các tài liệu khác theo quy định.

2. Hồ sơ phải được cập nhật đầy đủ, lưu giữ khoa học và bảo đảm phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra khi có yêu cầu.

3. Hằng năm thực hiện rà soát, chỉnh lý, lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

CHƯƠNG V
CHẾ ĐỘ THƯỜNG TRỰC, TIẾP NHẬN THÔNG TIN, HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 21. Chế độ thường trực của Đội dân phòng

1. Đội dân phòng thực hiện chế độ thường trực nhằm bảo đảm sẵn sàng tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Đội trưởng xây dựng lịch trực theo ngày, tuần, tháng; phân công đội viên trực bảo đảm phù hợp với điều kiện lao động, sản xuất của Nhân dân và yêu cầu nhiệm vụ.

3. Trong các dịp lễ, tết, sự kiện chính trị, mùa nắng nóng, thời kỳ hanh khô, mùa mưa bão hoặc khi địa bàn có nguy cơ cháy, nổ cao, Đội trưởng chủ động tham mưu Công an xã, Trưởng thôn tăng cường lực lượng, thời gian thường trực.

4. Đội viên được phân công trực có trách nhiệm:

a) Có mặt đúng thời gian, địa điểm theo lịch trực;

b) Duy trì thông tin liên lạc thông suốt;

c) Kiểm tra tình trạng hoạt động của phương tiện, thiết bị được giao;

d) Sẵn sàng nhận lệnh huy động và triển khai nhiệm vụ.

5. Việc phân công trực phải được ghi vào **Sổ trực Đội dân phòng**, lưu giữ tại nơi sinh hoạt của Đội.

Điều 22. Tiếp nhận thông tin về cháy, nổ, sự cố, tai nạn

1. Mọi thông tin về cháy, nổ, sự cố, tai nạn trên địa bàn phải được tiếp nhận nhanh chóng, chính xác.

2. Nguồn tiếp nhận thông tin bao gồm:

a) Tin báo của Nhân dân;

b) Tin báo của Công an xã;

c) Tin báo của Trưởng thôn;

d) Tin báo của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

đ) Tin báo của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH;

e) Các nguồn thông tin hợp pháp khác.

3. Người tiếp nhận thông tin phải ghi đầy đủ vào **Sổ tiếp nhận tin báo**, gồm:

- Thời gian nhận tin;
- Người báo tin;
- Số điện thoại liên hệ;
- Địa điểm xảy ra vụ việc;
- Loại hình vụ việc;
- Quy mô ban đầu;
- Tình trạng người bị nạn;
- Điều kiện tiếp cận hiện trường;
- Các thông tin khác có liên quan.

4. Sau khi tiếp nhận thông tin phải báo cáo ngay Đội trưởng hoặc người chỉ huy trực để quyết định biện pháp xử lý.

Điều 23. Quy trình huy động lực lượng

1. Khi nhận được tin báo xác định có cháy, nổ hoặc sự cố, Đội trưởng hoặc người được giao chỉ huy phải ngay lập tức huy động lực lượng.

2. Việc huy động được thực hiện theo nguyên tắc:

- Nhanh nhất;
- Đúng đối tượng;
- Đúng nhiệm vụ;
- Bảo đảm an toàn.

3. Hình thức huy động:

a) Điện thoại;

b) Nhóm Zalo hoặc ứng dụng liên lạc của Đội;

c) Loa truyền thanh;

d) Chuông báo động tại Nhà văn hóa thôn (nếu có);

đ) Thông báo trực tiếp.

4. Khi nhận lệnh huy động, đội viên phải có mặt tại điểm tập kết trong thời gian sớm nhất.

5. Trường hợp không thể tham gia phải báo cáo ngay Đội trưởng và nêu rõ lý do.

Điều 24. Tổ chức lực lượng khi có cháy, nổ

Tổ chức lực lượng khi xảy ra cháy, nổ

1. Tổ chức chỉ huy ban đầu

Ngay sau khi đến hiện trường, Đội trưởng Đội dân phòng hoặc người được giao chỉ huy phải nhanh chóng tổ chức trinh sát, đánh giá tình hình để xác định:

- Quy mô, tính chất và phạm vi của đám cháy;
- Loại chất cháy, nguồn phát sinh cháy và các yếu tố nguy hiểm có liên quan;
- Hướng phát triển, nguy cơ cháy lan và khả năng phát sinh nổ;
- Điều kiện tiếp cận hiện trường, các lối ra vào, lối thoát nạn;
- Nguồn nước và khả năng khai thác nguồn nước phục vụ chữa cháy;
- Số lượng, vị trí và tình trạng người bị mắc kẹt, người bị thương (nếu có);
- Nguy cơ sập đổ công trình, rò rỉ điện, rò rỉ khí hoặc các nguy cơ mất an toàn khác.

Trên cơ sở kết quả đánh giá ban đầu, người chỉ huy quyết định phương án xử lý phù hợp, bảo đảm nguyên tắc ưu tiên cứu người, bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia và hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản.

2. Tổ chức lực lượng thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ tình hình thực tế tại hiện trường, người chỉ huy phân công lực lượng theo các mũi công tác sau:

Mũi 1: Cứu người và hướng dẫn thoát nạn

Tổ chức tìm kiếm, cứu người bị nạn; hướng dẫn người dân thoát nạn đến nơi an toàn; sơ cứu ban đầu và bàn giao người bị nạn cho lực lượng y tế.

Mũi 2: Chữa cháy

Triển khai các phương tiện chữa cháy được trang bị để khống chế, dập tắt đám cháy; ngăn chặn cháy lan, bảo vệ các công trình và tài sản liền kề.

Mũi 3: Di chuyển và bảo vệ tài sản

Tổ chức di chuyển tài sản, phương tiện, vật liệu dễ cháy, dễ nổ và các tài sản có giá trị ra khỏi khu vực nguy hiểm; bố trí bảo vệ tài sản tại nơi tập kết.

Mũi 4: Cảnh giới, bảo đảm an ninh, trật tự

Khoanh vùng khu vực nguy hiểm; không để người không có nhiệm vụ vào hiện trường; phối hợp với Công an xã điều tiết giao thông, giữ gìn an ninh, trật tự và bảo vệ hiện trường theo quy định.

Mũi 5: Bảo đảm nguồn nước và phương tiện chữa cháy

Tổ chức khai thác nguồn nước, vận chuyển và bổ sung phương tiện chữa cháy; bảo đảm cung cấp kịp thời nước và các phương tiện phục vụ công tác chữa cháy.

Mũi 6: Thông tin liên lạc và bảo đảm chỉ huy

Tiếp nhận, truyền đạt mệnh lệnh của người chỉ huy; duy trì thông tin liên lạc giữa các mũi công tác; thường xuyên cập nhật diễn biến vụ việc để báo cáo người chỉ huy và các cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp xử lý vụ việc

Trường hợp đám cháy vượt quá khả năng xử lý của Đội dân phòng hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về người, tài sản, người chỉ huy phải khẩn trương báo cáo Công an xã Vĩnh Hoàng, đồng thời gọi báo lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ qua số **114** để huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ.

Trong thời gian chờ lực lượng chuyên nghiệp đến hiện trường, Đội dân phòng tiếp tục triển khai các biện pháp chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi khả năng; bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia, tổ chức sơ tán người và tài sản, bảo vệ hiện trường và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quy trình cứu nạn, cứu hộ ban đầu

1. Việc cứu nạn, cứu hộ phải thực hiện theo nguyên tắc:

- Ưu tiên cứu người;
- Bảo đảm an toàn lực lượng;
- Hạn chế thiệt hại tài sản;
- Không làm phát sinh nguy hiểm mới.

2. Không được tự ý tiếp cận khu vực có nguy cơ:

- Sập đổ;
- Điện giật;
- Rò rỉ khí độc;
- Cháy hóa chất;
- Nổ.

3. Trường hợp phát hiện người bị nạn phải:

a) Đưa ra khu vực an toàn;

b) Sơ cứu ban đầu;

c) Chuyển cho lực lượng y tế.

4. Khi chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thì không được tổ chức cứu hộ bằng các biện pháp vượt quá khả năng chuyên môn của Đội.

Điều 26. Công tác bảo vệ hiện trường

1. Sau khi đám cháy được khống chế, Đội dân phòng phối hợp Công an xã thực hiện bảo vệ hiện trường.

2. Không cho người không có nhiệm vụ vào khu vực xảy ra vụ việc.

3. Không tự ý di chuyển tang vật, phương tiện, dấu vết khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp cần thiết để cứu người hoặc ngăn cháy lan.

4. Phối hợp lập sơ đồ hiện trường, thống kê thiệt hại ban đầu và ghi nhận lời khai ban đầu của người liên quan khi được yêu cầu.

Điều 27. Chế độ báo cáo sau vụ việc

1. Sau mỗi vụ cháy, nổ hoặc sự cố, Đội trưởng phải lập báo cáo gửi Công an xã trong thời hạn không quá **24 giờ**.

2. Nội dung báo cáo gồm:

- Thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc;
- Nguyên nhân ban đầu (nếu xác định được);
- Diễn biến vụ việc;
- Lực lượng, phương tiện huy động;
- Kết quả chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- Thiệt hại về người và tài sản;
- Khó khăn, vướng mắc;
- Kiến nghị, đề xuất.

3. Đối với vụ việc nghiêm trọng, báo cáo nhanh bằng điện thoại hoặc phương tiện thông tin khác ngay sau khi kết thúc xử lý ban đầu; đồng thời hoàn thiện báo cáo bằng văn bản.

Điều 28. Rút kinh nghiệm sau chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Trong thời hạn **05 ngày làm việc** kể từ khi kết thúc vụ việc, Đội trưởng tổ chức họp rút kinh nghiệm.

2. Nội dung rút kinh nghiệm bao gồm:

- Công tác tiếp nhận tin báo;
- Thời gian huy động lực lượng;

- Công tác chỉ huy;
- Việc sử dụng phương tiện;
- Công tác phối hợp;
- Kết quả cứu người, cứu tài sản;
- Tồn tại, hạn chế;
- Giải pháp khắc phục.

3. Kết quả cuộc họp phải được lập thành biên bản và lưu trong hồ sơ của Đội.

CHƯƠNG VI

CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VÀ DIỄN TẬP PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 29. Mục đích, yêu cầu công tác huấn luyện

1. Công tác huấn luyện nhằm trang bị cho đội viên dân phòng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ, khả năng sử dụng phương tiện, trang thiết bị và xử lý các tình huống cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn.

2. Việc huấn luyện phải bảo đảm:

a) Đúng đối tượng, đúng nội dung theo quy định của pháp luật;

b) Gắn lý thuyết với thực hành;

c) Phù hợp đặc điểm địa bàn, loại hình nguy cơ cháy, nổ của xã;

d) Bảo đảm tuyệt đối an toàn cho người và phương tiện trong quá trình huấn luyện.

3. Công an xã là cơ quan chủ trì tham mưu UBND xã xây dựng kế hoạch huấn luyện hằng năm; phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả.

Điều 30. Nội dung huấn luyện

1. Huấn luyện kiến thức pháp luật:

a) Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Các nghị định, thông tư hướng dẫn;

c) Quy định của UBND tỉnh và UBND xã về công tác PCCC và CNCH.

2. Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy:

a) Biện pháp phòng ngừa cháy trong hộ gia đình, khu dân cư;

b) An toàn điện, an toàn sử dụng khí đốt, xăng dầu và nguồn nhiệt;

c) Kiểm tra, phát hiện nguy cơ cháy, nổ.

3. Huấn luyện chữa cháy:

a) Sử dụng bình chữa cháy xách tay;

b) Triển khai đội hình vòi chữa cháy;

c) Vận hành máy bơm chữa cháy;

d) Kỹ thuật dập tắt các loại đám cháy thông thường;

đ) Kỹ thuật chống cháy lan.

4. Huấn luyện cứu nạn, cứu hộ:

a) Kỹ năng tìm kiếm người bị nạn;

b) Kỹ thuật di chuyển người bị thương;

c) Sơ cấp cứu ban đầu;

d) Cứu hộ trong không gian hẹp;

đ) Cứu hộ khi mưa lũ, sạt lở, cây đổ và các tình huống thiên tai khác.

5. Huấn luyện công tác chỉ huy:

a) Phân công lực lượng;

b) Điều hành hiện trường;

c) Thông tin liên lạc;

d) Báo cáo nhanh;

đ) Phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Điều 31. Hình thức và thời gian huấn luyện

1. Huấn luyện tập trung theo kế hoạch hằng năm.

2. Huấn luyện bổ sung đối với đội viên mới.

3. Huấn luyện chuyên đề theo từng loại hình nguy cơ cháy, nổ.

4. Huấn luyện trực tuyến hoặc tự nghiên cứu tài liệu khi điều kiện thực tế không cho phép tổ chức tập trung.

5. Mỗi đội viên phải tham gia đầy đủ thời lượng huấn luyện theo kế hoạch của UBND xã; trường hợp vắng mặt phải có lý do chính đáng và được bố trí học bù.

Điều 32. Kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện

1. Kết thúc mỗi đợt huấn luyện phải tổ chức kiểm tra đánh giá.

2. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiến thức pháp luật;

b) Kiến thức nghiệp vụ;

c) Thực hành sử dụng phương tiện;

d) Thực hành chữa cháy;

đ) Thực hành cứu nạn, cứu hộ.

3. Kết quả được phân loại:

- Xuất sắc;
- Giỏi;
- Khá;
- Đạt yêu cầu;
- Chưa đạt yêu cầu.

4. Đội viên chưa đạt yêu cầu phải được tổ chức huấn luyện bổ sung và kiểm tra lại.

5. Kết quả huấn luyện là một trong những căn cứ để đánh giá, xếp loại đội viên cuối năm.

Điều 33. Tổ chức diễn tập phương án

1. Hằng năm, UBND xã tổ chức ít nhất **01 cuộc diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp xã**; khuyến khích các thôn tổ chức diễn tập theo cụm dân cư hoặc theo loại hình có nguy cơ cháy cao.

2. Công an xã chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch, kịch bản, phương án diễn tập; phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự xã, Trạm Y tế, các trường học, các đoàn thể và các lực lượng liên quan tổ chức thực hiện.

3. Nội dung diễn tập có thể bao gồm:

a) Chữa cháy nhà ở kết hợp kinh doanh;

b) Cháy chợ;

c) Cháy trường học;

d) Cháy rừng, thực bì;

đ) Cứu người mắc kẹt trong đám cháy;

e) Cứu nạn trong mưa bão, ngập lụt.

Điều 34. Hồ sơ huấn luyện và diễn tập

1. Mỗi đợt huấn luyện, diễn tập phải lập đầy đủ hồ sơ, gồm:

a) Kế hoạch;

b) Quyết định tổ chức;

c) Chương trình huấn luyện;

d) Giáo án;

đ) Danh sách học viên;

e) Danh sách giảng viên, báo cáo viên;

g) Phiếu điểm danh;

h) Đề kiểm tra, đáp án (nếu có);

i) Biên bản kiểm tra;

k) Biên bản diễn tập;

l) Báo cáo kết quả;

m) Hình ảnh, video (nếu có);

n) Hồ sơ khen thưởng, rút kinh nghiệm.

2. Hồ sơ được Công an xã hướng dẫn lập, quản lý và lưu trữ theo quy định về công tác văn thư, lưu trữ.

Điều 35. Chế độ bồi dưỡng, động viên

1. Đội viên tham gia huấn luyện, diễn tập được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

2. UBND xã khuyến khích biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, diễn tập.

3. Kết quả tham gia huấn luyện và diễn tập là căn cứ xem xét:

a) Đánh giá, xếp loại đội viên;

b) Đề nghị khen thưởng;

c) Quy hoạch, bố trí Đội trưởng, Đội phó;

d) Tham gia các lớp huấn luyện nâng cao do cấp trên tổ chức.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 36. Nguyên tắc quản lý phương tiện, trang thiết bị

1. Phương tiện, trang thiết bị được trang bị cho Đội dân phòng là tài sản công, phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật.

2. Mọi phương tiện phải được mở sổ theo dõi, đánh số quản lý, ghi rõ tình trạng kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng, lịch bảo dưỡng và người được giao quản lý trực tiếp.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng phương tiện, trang thiết bị của Đội dân phòng vào mục đích cá nhân hoặc cho mượn, cho thuê, chuyển giao trái quy định.

Điều 37. Nguyên tắc quản lý phương tiện, trang thiết bị

1. Phương tiện, trang thiết bị được trang bị cho Đội dân phòng là tài sản công do Nhà nước đầu tư hoặc được tiếp nhận từ các nguồn hợp pháp; phải được quản lý thống nhất, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Mỗi loại phương tiện phải có hồ sơ quản lý riêng, bao gồm:

a) Quyết định hoặc biên bản bàn giao;

b) Phiếu theo dõi tình trạng kỹ thuật;

c) Nhật ký sử dụng;

d) Phiếu bảo dưỡng, sửa chữa;

đ) Biên bản kiểm kê hằng năm.

3. Đội trưởng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về việc quản lý, sử dụng toàn bộ phương tiện, trang thiết bị của Đội.

4. Đội viên được giao sử dụng phương tiện phải có trách nhiệm bảo quản, sử dụng đúng quy trình kỹ thuật; nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng do lỗi chủ quan thì phải báo cáo ngay và chịu trách nhiệm theo quy định.

Điều 38. Danh mục phương tiện tối thiểu của Đội dân phòng

1. Căn cứ điều kiện thực tế và khả năng ngân sách, Đội dân phòng được trang bị các phương tiện thiết yếu như:

a) Bình chữa cháy xách tay;

b) Máy bơm chữa cháy;

c) Cuộn vòi chữa cháy;

d) Lăng phun, khớp nối;

đ) Xà beng, rìu, búa, kìm cộng lực;

e) Thang chữa cháy;

g) Đèn pin, đèn pha chiếu sáng;

h) Loa cầm tay;

i) Bộ sơ cứu y tế;

k) Dây cứu hộ;

l) Áo, mũ, ủng, găng tay bảo hộ;

m) Áo phản quang;

n) Các phương tiện, thiết bị khác theo quy định.

2. Việc mua sắm, bổ sung phương tiện thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và các quy định hiện hành.

Điều 39. Kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện

1. Đội trưởng tổ chức kiểm tra phương tiện định kỳ ít nhất **01 lần/tháng**.

2. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Số lượng;

b) Tình trạng kỹ thuật;

c) Hạn sử dụng;

d) Khả năng vận hành;

đ) Mức độ an toàn.

3. Sau mỗi lần sử dụng phải:

- Làm sạch;
- Kiểm tra kỹ thuật;
- Bổ sung nhiên liệu (nếu có);
- Bảo quản đúng nơi quy định.

4. Đối với phương tiện hư hỏng phải lập biên bản, báo cáo Công an xã và UBND xã để sửa chữa hoặc thay thế.

Điều 40. Kiểm kê tài sản

1. Hằng năm, trước ngày **30 tháng 11**, Đội dân phòng phối hợp Công an xã và Phòng Kinh tế tổ chức kiểm kê toàn bộ tài sản.

2. Nội dung kiểm kê gồm:

- Số lượng;
- Chất lượng;
- Giá trị còn lại (nếu xác định được);
- Tình trạng sử dụng;
- Đề xuất sửa chữa, thanh lý hoặc bổ sung.

3. Kết quả kiểm kê phải lập thành biên bản, lưu hồ sơ và báo cáo UBND xã.

Điều 41. Quản lý kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Đội dân phòng được bảo đảm từ:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn hỗ trợ của cấp trên;

c) Nguồn xã hội hóa hợp pháp;

d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

2. Kinh phí được sử dụng cho các nội dung:

- Huấn luyện;
- Diễn tập;
- Mua sắm phương tiện;
- Sửa chữa thiết bị;
- Bảo dưỡng phương tiện;
- Tuyên truyền;
- Chế độ cho lực lượng tham gia nhiệm vụ;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định.

3. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phải thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 42. Chế độ báo cáo về tài sản và kinh phí

1. Định kỳ hằng quý, Đội trưởng báo cáo Công an xã về:

- Tình trạng phương tiện;
- Nhu cầu sửa chữa;
- Nhu cầu mua sắm;
- Tình hình sử dụng kinh phí.

2. Trường hợp phát sinh nhu cầu đột xuất phải báo cáo ngay để UBND xã xem xét, giải quyết.

CHƯƠNG VIII

CHẾ ĐỘ HỘI HỌP, THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Điều 43. Chế độ hội họp

1. Đội dân phòng họp định kỳ **mỗi quý một lần** để đánh giá kết quả hoạt động và triển khai nhiệm vụ.

2. Họp đột xuất được tổ chức khi:

a) Có vụ cháy, nổ lớn;

b) Có yêu cầu của UBND xã;

c) Có yêu cầu của Công an xã;

d) Có thiên tai, sự cố nghiêm trọng hoặc yêu cầu cấp bách khác.

3. Nội dung họp gồm:

- Đánh giá tình hình;
- Kiểm điểm nhiệm vụ;
- Triển khai công việc;
- Rút kinh nghiệm;
- Kiến nghị, đề xuất.

4. Mọi cuộc họp phải lập biên bản, lưu hồ sơ theo quy định.

Điều 44. Chế độ thông tin

1. Đội viên phải duy trì thông tin liên lạc thông suốt.

2. Đội trưởng lập danh sách số điện thoại, nhóm liên lạc để phục vụ huy động lực lượng.

3. Thông tin về cháy, nổ, sự cố phải được truyền đạt nhanh chóng, chính xác, không để chậm trễ.

4. Nghiêm cấm cung cấp thông tin sai sự thật hoặc tự ý phát ngôn về vụ việc khi chưa được người có thẩm quyền cho phép.

Điều 45. Chế độ báo cáo

1. Đội dân phòng thực hiện:

a) Báo cáo tháng;

b) Báo cáo quý;

c) Báo cáo 06 tháng;

d) Báo cáo năm;

đ) Báo cáo chuyên đề;

e) Báo cáo đột xuất.

2. Nội dung báo cáo gồm:

- Tình hình cháy, nổ;
- Công tác tuyên truyền;
- Công tác huấn luyện;
- Kiểm tra an toàn PCCC;
- Quản lý phương tiện;
- Hoạt động của lực lượng;
- Khó khăn, vướng mắc;
- Kiến nghị, đề xuất.

Điều 46. Quản lý hồ sơ

1. Hồ sơ của Đội dân phòng bao gồm:

a) Quyết định thành lập;

b) Quy chế hoạt động;

c) Danh sách đội viên;

d) Hồ sơ huấn luyện;

đ) Hồ sơ diễn tập;

e) Hồ sơ kiểm tra;

g) Hồ sơ phương tiện;

h) Hồ sơ tài chính;

i) Hồ sơ thi đua, khen thưởng;

k) Sổ trực;

l) Sổ tiếp nhận tin báo;

m) Sổ theo dõi phương tiện;

n) Các hồ sơ khác theo quy định.

2. Hồ sơ phải được đánh số, lập mục lục, lưu trữ khoa học, bảo đảm dễ tra cứu và phục vụ công tác kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 47. Ứng dụng công nghệ thông tin

1. Khuyến khích sử dụng các phần mềm, ứng dụng điện tử để quản lý danh sách đội viên, phương tiện, kế hoạch công tác và báo cáo.

2. Công an xã hướng dẫn Đội dân phòng sử dụng các nền tảng phù hợp để trao đổi thông tin, cảnh báo nguy cơ cháy, nổ và điều hành hoạt động.

3. Việc lưu trữ dữ liệu điện tử phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 48. Mục đích kiểm tra

1. Kiểm tra nhằm đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; việc thực hiện Quy chế này và nhiệm vụ được giao.

2. Kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục; đồng thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả.

3. Làm căn cứ đánh giá chất lượng hoạt động của Đội dân phòng, đội viên dân phòng và trách nhiệm của người đứng đầu.

Điều 49. Nội dung kiểm tra

1. Công tác tổ chức, quản lý lực lượng.

2. Việc thực hiện chế độ trực, sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH.

4. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ.

5. Công tác diễn tập phương án.

6. Việc quản lý, sử dụng phương tiện, trang thiết bị.

7. Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách.

8. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

9. Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra.

10. Các nội dung khác theo yêu cầu của UBND xã hoặc Công an xã.

Điều 50. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hằng năm.

2. Kiểm tra chuyên đề đối với từng nội dung hoặc từng lĩnh vực.

3. Kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Tự kiểm tra nội bộ của Đội dân phòng.

Điều 51. Trình tự kiểm tra

1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra.

2. Ban hành quyết định kiểm tra (đối với kiểm tra có thành lập đoàn).

3. Thông báo nội dung, thời gian kiểm tra (trừ trường hợp kiểm tra đột xuất).

4. Tiến hành kiểm tra.

5. Lập biên bản kiểm tra.

6. Thông báo kết quả kiểm tra.

7. Theo dõi việc khắc phục tồn tại.

8. Tổng hợp, báo cáo UBND xã.

Điều 52. Trách nhiệm sau kiểm tra

1. Đội trưởng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch khắc phục các tồn tại theo kết luận kiểm tra.

2. Đội viên có liên quan phải nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của đoàn kiểm tra.

3. Kết quả khắc phục phải được báo cáo bằng văn bản gửi Công an xã đúng thời hạn.

4. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm trước UBND xã.

CHƯƠNG X

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 53. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Việc thi đua, khen thưởng phải bảo đảm công khai, khách quan, công bằng và đúng thành tích.

2. Khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, không bình quân, hình thức.

3. Ưu tiên khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, cứu người, cứu tài sản hoặc có sáng kiến được áp dụng hiệu quả.

Điều 54. Tiêu chí đánh giá, xếp loại đội viên dân phòng

Đội viên được đánh giá theo các tiêu chí sau:

1. Chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Chấp hành Quy chế hoạt động của Đội.

3. Tham gia đầy đủ các cuộc họp, huấn luyện, diễn tập.

4. Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

5. Tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật.

6. Kỹ năng nghiệp vụ và khả năng sử dụng phương tiện.

7. Tinh thần phối hợp với các lực lượng.

8. Kết quả tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

9. Ý thức bảo quản tài sản, phương tiện.

10. Chấp hành chế độ báo cáo và các quy định khác.

Điều 55. Xếp loại chất lượng đội viên

1. Đội viên được xếp loại theo các mức:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

c) Hoàn thành nhiệm vụ;

d) Không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Kết quả xếp loại là căn cứ để:

- Xét khen thưởng;
- Đề nghị biểu dương;
- Quy hoạch Đội trưởng, Đội phó;
- Kiện toàn lực lượng.

Điều 56. Khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị:

a) Giấy khen của Chủ tịch UBND xã;

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Các hình thức khen thưởng khác theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 57. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Không chấp hành lệnh huy động khi không có lý do chính đáng.

2. Bỏ vị trí trực.

3. Tự ý rời khỏi hiện trường khi chưa có lệnh của người chỉ huy.

4. Sử dụng phương tiện, trang thiết bị sai mục đích.

5. Làm mất, làm hư hỏng tài sản do lỗi chủ quan.

6. Báo cáo sai sự thật.

7. Tiết lộ thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được phép công bố.

8. Lợi dụng nhiệm vụ để vụ lợi hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật.

Điều 58. Xử lý vi phạm

1. Đội viên vi phạm Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị:

a) Nhắc nhở;

b) Phê bình;

c) Kiểm điểm trước Đội;

d) Đề nghị đưa ra khỏi lực lượng dân phòng;

đ) Bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có);

e) Xử lý theo quy định của pháp luật nếu hành vi vi phạm đến mức phải xử lý.

2. Việc xử lý phải bảo đảm khách quan, đúng trình tự, đúng thẩm quyền.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đội trưởng Đội dân phòng có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến toàn thể đội viên; tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả.

2. Công an xã là cơ quan tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; tổng hợp khó khăn, vướng mắc để báo cáo Chủ tịch UBND xã xem xét, chỉ đạo.

3. Trưởng thôn phối hợp tạo điều kiện để Đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ; vận động Nhân dân tham gia phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy.

4. Các cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với Đội dân phòng trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 60. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có quy định mới của pháp luật, Công an xã chủ trì rà soát, tham mưu UBND xã xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được thực hiện bằng văn bản và ban hành theo đúng trình tự, thủ tục.

Điều 61. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Quyết định ban hành của Chủ tịch UBND xã có hiệu lực.

2. Các quy định trước đây của UBND xã Vĩnh Hoàng trái với Quy chế này đều hết hiệu lực thi hành.

3. Đội trưởng Đội dân phòng, các đội viên dân phòng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

CHƯƠNG XII

QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA ĐỘI DÂN PHÒNG VỚI CÁC LỰC LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

Điều 62. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp giữa Đội dân phòng với các cơ quan, đơn vị và lực lượng trên địa bàn phải bảo đảm:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật.

b) Thống nhất chỉ huy.

c) Phối hợp chặt chẽ.

d) Hỗ trợ lẫn nhau.

đ) Không chồng chéo nhiệm vụ.

e) Kịp thời, hiệu quả.

2. Khi xảy ra cháy, nổ hoặc sự cố, tai nạn, việc phối hợp phải đặt nhiệm vụ cứu người lên hàng đầu, đồng thời hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản và tác động đến môi trường.

Điều 63. Phối hợp với Công an xã

1. Công an xã là lực lượng nòng cốt tham mưu UBND xã quản lý nhà nước về PCCC và CNCH.

2. Đội dân phòng chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Công an xã.

3. Công an xã có trách nhiệm:

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động.
- Huấn luyện nghiệp vụ.
- Kiểm tra định kỳ.
- Hướng dẫn xây dựng phương án chữa cháy.
- Hướng dẫn diễn tập.
- Kiểm tra hồ sơ quản lý.
- Đề xuất mua sắm trang thiết bị.

4. Đội dân phòng có trách nhiệm:

- Báo cáo đầy đủ tình hình hoạt động.
- Chấp hành sự điều động của Công an xã.
- Phối hợp kiểm tra an toàn PCCC.
- Tham gia các hoạt động nghiệp vụ do Công an xã tổ chức.

Điều 64. Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự xã

1. Phối hợp xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ.

2. Huy động lực lượng khi xảy ra thiên tai, bão lũ.

3. Hỗ trợ cứu người.

4. Phối hợp bảo vệ tài sản.

5. Phối hợp diễn tập.

6. Hỗ trợ phương tiện khi cần thiết.

Điều 65. Phối hợp với Trạm Y tế

1. Bố trí lực lượng cấp cứu.

2. Chuẩn bị thuốc, vật tư y tế.

3. Hướng dẫn sơ cấp cứu.

4. Phối hợp vận chuyển người bị nạn.

5. Tham gia diễn tập.

Điều 66. Phối hợp với các trường học

1. Xây dựng phương án chữa cháy.

2. Hướng dẫn kỹ năng thoát nạn.

3. Kiểm tra bình chữa cháy.

4. Tập huấn giáo viên.

5. Tổ chức thực tập phương án.

Điều 67. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

1. Tuyên truyền vận động Nhân dân.

2. Xây dựng mô hình "Khu dân cư an toàn PCCC".

3. Vận động trang bị bình chữa cháy.

4. Vận động mở lối thoát nạn.

5. Phối hợp kiểm tra.

6. Tham gia chữa cháy khi có yêu cầu.

CHƯƠNG XIII

QUY TRÌNH XỬ LÝ CHÁY, NỔ, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 68. Quy trình tiếp nhận tin báo

Khi tiếp nhận tin báo về cháy, nổ, tai nạn hoặc sự cố cần cứu nạn, cứu hộ, người trực hoặc người tiếp nhận thông tin của Đội dân phòng phải khẩn trương thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1. Tiếp nhận thông tin

Tiếp nhận đầy đủ thông tin từ người báo tin bằng các hình thức như trực tiếp, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác; ghi nhận đầy đủ thời

gian tiếp nhận, họ tên người báo tin (nếu có), số điện thoại liên hệ và nội dung vụ việc.

Bước 2. Xác minh thông tin ban đầu

Khẩn trương xác định các nội dung cơ bản sau:

- Địa điểm xảy ra cháy, nổ, tai nạn hoặc sự cố.
- Loại hình công trình, nhà ở hoặc khu vực xảy ra vụ việc.
- Quy mô, tính chất ban đầu của đám cháy hoặc sự cố.
- Tình hình người bị nạn, người mắc kẹt (nếu có).
- Đặc điểm chất cháy, nguy cơ cháy lan, nổ hoặc các yếu tố nguy hiểm khác.
- Nguồn nước chữa cháy gần nhất (nếu xác định được).
- Tuyến đường và hướng tiếp cận thuận lợi nhất cho lực lượng, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Bước 3. Báo cáo

Báo cáo ngay cho:

- Đội trưởng Đội dân phòng; trường hợp Đội trưởng vắng mặt thì báo cáo Đội phó hoặc người được phân công phụ trách.
- Công an xã Vĩnh Hoàng.
- Đồng thời thông báo cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ qua số điện thoại **114** khi vụ việc vượt quá khả năng xử lý của Đội dân phòng hoặc có nguy cơ phát triển thành cháy lớn, gây thiệt hại về người và tài sản.

Bước 4. Huy động lực lượng

Theo lệnh của Đội trưởng hoặc người chỉ huy, khẩn trương huy động các thành viên Đội dân phòng và các lực lượng tại chỗ tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ công tác theo phương án đã được phê duyệt.

Bước 5. Chuẩn bị và triển khai phương tiện

Nhanh chóng kiểm tra, chuẩn bị và mang theo các phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được trang bị; tổ chức tiếp cận hiện trường theo tuyến đường an toàn, nhanh nhất để triển khai chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

Việc tiếp nhận, xử lý tin báo phải được thực hiện khẩn trương, chính xác, kịp thời, bảo đảm huy động lực lượng, phương tiện nhanh nhất nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

Điều 69. Quy trình tổ chức chữa cháy

Trình tự triển khai chữa cháy

Khi phát hiện cháy, người phát hiện đầu tiên phải nhanh chóng hô to **"Cháy! Cháy! Cháy!"**, sử dụng còi, kẻng hoặc các phương tiện báo động khác để báo cho mọi người trong khu vực biết có cháy xảy ra; đồng thời báo ngay cho Đội trưởng Đội dân phòng, Công an xã hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Ngay sau khi nhận được tin báo cháy, Đội trưởng Đội dân phòng là người chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại chỗ; trường hợp Đội trưởng vắng mặt thì Đội phó Đội dân phòng hoặc người được phân công thực hiện nhiệm vụ chỉ huy cho đến khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường tiếp nhận quyền chỉ huy theo quy định.

Người chỉ huy Đội dân phòng khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện hiện có và tổ chức thực hiện đồng thời các nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với chủ hộ gia đình, chủ cơ sở hoặc đơn vị quản lý điện tổ chức cắt điện khu vực xảy ra cháy và các khu vực có liên quan nhằm bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Tổ chức hướng dẫn người dân thoát nạn đến khu vực an toàn; ưu tiên hỗ trợ người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật và người bị thương.

3. Tổ chức tìm kiếm, cứu người bị mắc kẹt trong khu vực cháy khi bảo đảm điều kiện an toàn; thực hiện sơ cứu ban đầu và chuyển người bị nạn đến cơ sở y tế khi cần thiết.

4. Triển khai sử dụng các phương tiện chữa cháy được trang bị như bình chữa cháy xách tay, máy bơm chữa cháy (nếu có), chăn chữa cháy, xô nước, cát và các phương tiện khác để khống chế, dập tắt đám cháy ngay từ ban đầu; đồng thời tổ chức ngăn chặn cháy lan sang các nhà ở, công trình và khu vực lân cận.

5. Tổ chức di chuyển tài sản, hồ sơ, vật liệu dễ cháy, dễ nổ, bình chứa khí, phương tiện giao thông và các tài sản có giá trị ra khỏi khu vực nguy hiểm nhằm hạn chế thiệt hại và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chữa cháy.

6. Nhanh chóng gọi điện báo cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ qua số **114**; đồng thời thông báo cho Công an xã Vĩnh Hoàng, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hoàng, Điện lực, Trạm Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp xử lý. Khi báo cháy phải cung cấp đầy đủ địa chỉ xảy ra cháy, loại hình công trình hoặc khu vực cháy, quy mô đám cháy, tình hình người bị nạn, chất cháy và các thông tin cần thiết khác.

7. Phối hợp với Công an xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các lực lượng liên quan bảo đảm an ninh, trật tự khu vực xảy ra cháy; bảo vệ tài sản đã được di chuyển; tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông để tạo điều kiện thuận lợi cho xe chữa cháy, xe cứu thương và các lực lượng làm nhiệm vụ tiếp cận hiện trường.

8. Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường, người chỉ huy Đội dân phòng có trách nhiệm báo cáo đầy đủ tình hình diễn biến đám cháy, vị trí cháy, đặc điểm chất cháy, nguy cơ cháy lan, tình hình người bị nạn, việc cắt điện, nguồn nước chữa cháy, lực lượng và phương tiện

đã triển khai; đồng thời bàn giao quyền chỉ huy và tiếp tục phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ huy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

9. Chủ động chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ như chiếu sáng, nước uống, phương tiện hỗ trợ và các điều kiện hậu cần cần thiết khi việc chữa cháy kéo dài hoặc diễn ra vào ban đêm.

10. Sau khi đám cháy được dập tắt, phối hợp với Công an xã và các cơ quan chức năng bảo vệ hiện trường, kiểm tra nguy cơ cháy trở lại, thống kê thiệt hại, hỗ trợ khắc phục hậu quả và phục vụ công tác điều tra, xác minh nguyên nhân vụ cháy theo quy định của pháp luật.

Trình tự triển khai chữa cháy cụ thể

I. Tổ chức chỉ huy

Khi xảy ra cháy, Đội trưởng Đội dân phòng là người trực tiếp chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường. Trường hợp Đội trưởng vắng mặt thì Đội phó hoặc người được Đội trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ chỉ huy cho đến khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường tiếp nhận quyền chỉ huy theo quy định.

Người chỉ huy căn cứ vào quy mô, tính chất đám cháy, đặc điểm hiện trường, số lượng người bị nạn (nếu có), lực lượng, phương tiện hiện có của Đội dân phòng và các lực lượng tham gia để tổ chức triển khai chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ công tác.

II. Phân công nhiệm vụ

1. Tổ thông tin, báo cháy

Phương tiện:

- Điện thoại di động;
- Loa cầm tay, còi báo động;
- Các phương tiện thông tin liên lạc khác.

Nhiệm vụ:

- Khi phát hiện cháy hoặc nhận được tin báo cháy, nhanh chóng báo động cho Nhân dân trong khu vực và báo ngay cho Đội trưởng Đội dân phòng.

- Gọi điện báo ngay cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ qua số **114**; đồng thời thông báo cho Công an xã Vĩnh Hoàng, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hoàng, Điện lực, Trạm Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp xử lý.

- Thông báo rõ địa điểm xảy ra cháy, loại hình công trình hoặc khu vực xảy ra cháy, quy mô đám cháy, tình hình người bị nạn, chất cháy, khả năng cháy lan và các thông tin cần thiết khác.

- Phối hợp với chủ cơ sở hoặc người quản lý cơ sở tổ chức cắt điện khu vực xảy ra cháy (nếu bảo đảm an toàn).

- Duy trì thông tin liên lạc, thường xuyên cập nhật diễn biến đám cháy và báo cáo người chỉ huy chữa cháy tại chỗ.

2. Tổ hướng dẫn thoát nạn và cứu nạn, cứu hộ

Phương tiện:

- Loa cầm tay;
- Còi báo động;
- Đèn pin, đèn chiếu sáng;
- Dây cứu người;
- Khẩu trang, khăn ướt;
- Các phương tiện cứu nạn, cứu hộ khác.

Nhiệm vụ:

- Hướng dẫn người dân bình tĩnh thoát nạn theo các lối thoát an toàn; hướng dẫn sử dụng khăn hoặc vải thấm nước che kín mũi, miệng và cúi thấp người khi di chuyển trong khu vực có khói.

- Ưu tiên cứu người mắc kẹt, người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật và người bị thương; đưa đến khu vực an toàn để sơ cứu ban đầu và chuyển cơ sở y tế khi cần thiết.

- Kiểm tra, rà soát số người đã thoát nạn; phối hợp với chủ hộ, chủ cơ sở xác định còn người mắc kẹt hay không để tổ chức tìm kiếm khi bảo đảm điều kiện an toàn.

- Phối hợp chặt chẽ với Tổ chữa cháy trong quá trình cứu người và bảo vệ khu vực cứu nạn.

3. Tổ chữa cháy

Phương tiện:

- Bình chữa cháy xách tay;
- Chăn chữa cháy;
- Máy bơm chữa cháy (nếu được trang bị);
- Xô nước, cát;
- Các phương tiện chữa cháy khác được trang bị.

Nhiệm vụ:

- Nhanh chóng triển khai các phương tiện chữa cháy tại chỗ để khống chế và dập tắt đám cháy ngay từ giai đoạn ban đầu.

- Tập trung ngăn chặn cháy lan sang các nhà ở, công trình và khu vực lân cận.

- Sử dụng phương tiện chữa cháy đúng kỹ thuật, đúng loại chất chữa cháy phù hợp với từng loại đám cháy.

- Chủ động làm mát các cấu kiện, bình chứa khí, vật liệu dễ cháy và khu vực có nguy cơ cháy lan.

- Phối hợp với lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi lực lượng chuyên nghiệp đến hiện trường.

4. Tổ di chuyển tài sản

Nhiệm vụ:

- Phối hợp với chủ hộ gia đình, chủ cơ sở xác định tài sản cần ưu tiên di chuyển.

- Di chuyển tài liệu, tiền, tài sản có giá trị, hàng hóa, vật liệu dễ cháy, dễ nổ và các chất nguy hiểm ra khỏi khu vực cháy.

- Di chuyển phương tiện giao thông, bình gas, nhiên liệu và các vật dụng có nguy cơ gây cháy lan đến nơi an toàn.

- Bố trí tài sản tại khu vực tập kết theo sự hướng dẫn của Tổ bảo vệ; phối hợp hỗ trợ Tổ hướng dẫn thoát nạn khi cần thiết.

5. Tổ bảo vệ

Nhiệm vụ:

- Thiết lập khu vực an toàn, không để người không có nhiệm vụ vào khu vực xảy ra cháy.

- Phối hợp với Công an xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các lực lượng khác bảo vệ hiện trường theo quy định.

- Đón, hướng dẫn xe chữa cháy, xe cứu thương và các lực lượng cứu nạn, cứu hộ tiếp cận hiện trường nhanh nhất.

- Hướng dẫn, phân luồng giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng chữa cháy làm nhiệm vụ.

- Tiếp nhận, bảo vệ tài sản do Tổ di chuyển tài sản bàn giao; giữ gìn an ninh, trật tự khu vực xảy ra cháy.

III. Tổ chức chỉ huy khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường

Đội trưởng Đội dân phòng hoặc người chỉ huy chữa cháy tại chỗ có trách nhiệm:

- Báo cáo đầy đủ tình hình diễn biến đám cháy; vị trí, phạm vi cháy; đặc điểm chất cháy; nguy cơ cháy lan; tình hình người bị nạn; việc cắt điện; nguồn nước chữa cháy; lực lượng, phương tiện đã huy động và các thông tin liên quan.

- Bàn giao quyền chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho chỉ huy lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

- Tiếp tục huy động lực lượng, phương tiện của Đội dân phòng và phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ huy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

IV. Công tác sau khi chữa cháy

Sau khi đám cháy được dập tắt, Đội dân phòng thực hiện:

- Phối hợp bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý nguy cơ cháy trở lại.

- Phối hợp với chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và cơ quan chức năng thống kê thiệt hại; hỗ trợ khắc phục hậu quả do cháy gây ra.

- Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong công tác điều tra, xác minh nguyên nhân vụ cháy.

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm; rà soát, bổ sung phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; đề xuất biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích và kiến nghị xử lý đối với các trường hợp vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm (nếu có).

Lưu ý: Công tác cứu nạn, cứu hộ phải được tổ chức đồng thời với công tác chữa cháy; trong mọi trường hợp phải ưu tiên bảo đảm an toàn tính mạng con người, sau đó mới đến bảo vệ tài sản và hạn chế thiệt hại do cháy, nổ gây ra.

Điều 70. Quy trình cứu nạn, cứu hộ

I. Tổ chức chỉ huy cứu nạn, cứu hộ

Khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn hoặc sự cố cần tổ chức cứu nạn, cứu hộ, Đội trưởng Đội dân phòng là người trực tiếp chỉ huy hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường. Trường hợp Đội trưởng vắng mặt thì Đội phó Đội dân phòng hoặc người được Đội trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ chỉ huy cho đến khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường tiếp nhận quyền chỉ huy theo quy định của pháp luật.

Người chỉ huy căn cứ vào tính chất, quy mô vụ việc; đặc điểm hiện trường; số lượng, tình trạng người bị nạn; các yếu tố nguy hiểm có thể phát sinh; lực lượng, phương tiện hiện có của Đội dân phòng và các lực lượng tham gia để tổ chức chỉ huy, điều hành hoạt động cứu nạn, cứu hộ; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ công tác theo nguyên tắc ưu tiên cứu người, bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

Trong quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ, người chỉ huy có trách nhiệm thường xuyên đánh giá diễn biến tình hình hiện trường, kịp thời điều chỉnh phương án xử lý, huy động bổ sung lực lượng, phương tiện khi cần thiết; đồng thời duy trì thông tin liên lạc với Công an xã và lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để bảo đảm việc chỉ huy, phối hợp được thống nhất, kịp thời và hiệu quả.

II. Phân công nhiệm vụ

1. Tổ thông tin

Nhiệm vụ:

- Sử dụng loa cầm tay, còi báo động hoặc các phương tiện thông tin khác để thông báo cho Nhân dân biết về tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố; hướng dẫn mọi người bình tĩnh, nhanh chóng di chuyển đến khu vực an toàn theo các lối thoát nạn phù hợp.

- Tiếp nhận, truyền đạt đầy đủ, kịp thời mệnh lệnh của Đội trưởng hoặc người chỉ huy Đội dân phòng đến các tổ công tác.

- Duy trì thông tin liên lạc với Công an xã, lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng tham gia xử lý sự cố.

- Thường xuyên cập nhật diễn biến vụ việc, số lượng người bị nạn, tình hình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để báo cáo người chỉ huy.

2. Tổ trinh sát

Nhiệm vụ:

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân trước khi tiếp cận hiện trường.

- Nhanh chóng khảo sát hiện trường; xác định vị trí cháy, khu vực nguy hiểm, khả năng cháy lan, số lượng người bị nạn, lối tiếp cận, lối thoát nạn, nguồn nước chữa cháy và các yếu tố nguy hiểm khác.

- Báo cáo kịp thời kết quả trinh sát cho Đội trưởng hoặc người chỉ huy để tổ chức lực lượng phù hợp.

- Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường, cử đội viên tham gia dẫn đường, cung cấp thông tin và phối hợp thực hiện công tác trinh sát theo yêu cầu.

3. Tổ kỹ thuật

Nhiệm vụ:

- Phối hợp với chủ hộ gia đình, chủ cơ sở hoặc đơn vị quản lý điện thực hiện cắt điện khu vực xảy ra cháy và khu vực có nguy cơ mất an toàn.

- Hỗ trợ triển khai các phương tiện, thiết bị chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Đội dân phòng.

- Phối hợp với Tổ trinh sát theo dõi diễn biến hiện trường; kịp thời báo cáo người chỉ huy về nguy cơ cháy lan, sập đổ công trình, rò rỉ điện, rò rỉ khí hoặc các nguy cơ mất an toàn khác.

- Hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.

4. Tổ hướng dẫn thoát nạn

Nhiệm vụ:

- Phối hợp với Tổ thông tin hướng dẫn người dân bình tĩnh thoát nạn theo các lối thoát an toàn; không để xảy ra chen lấn, xô đẩy.

- Tổ chức kiểm đếm, xác định số lượng người đã thoát nạn và số người còn mắc kẹt (nếu có).

- Sử dụng cáng cứu thương, dây cứu người hoặc các biện pháp phù hợp để đưa người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm khi bảo đảm điều kiện an toàn.

- Sau khi hoàn thành công tác cứu người, phối hợp với Tổ di chuyển tài sản đưa tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm theo chỉ đạo của người chỉ huy.

5. Tổ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Nhiệm vụ:

- Là lực lượng nòng cốt trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Sử dụng bình chữa cháy xách tay, máy bơm chữa cháy (nếu được trang bị), chăn chữa cháy, dụng cụ phá dỡ và các phương tiện khác để khống chế, dập tắt đám cháy ngay từ ban đầu.

- Phối hợp cứu người bị mắc kẹt, mở lối tiếp cận, di chuyển chướng ngại vật, bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Chủ động làm mát các khu vực có nguy cơ cháy lan hoặc sập đổ; bảo vệ các công trình, nhà ở liền kề.

- Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường, tiếp tục phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ huy của lực lượng chuyên nghiệp.

6. Tổ cứu thương

Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận người bị nạn do các tổ công tác bàn giao.

- Tổ chức sơ cứu ban đầu theo đúng kỹ thuật đối với người bị thương, người bị bỏng, người bị ngạt khói hoặc các trường hợp cần cấp cứu khác.

- Phối hợp với Trạm Y tế, Trung tâm Y tế hoặc lực lượng cấp cứu 115 để chuyển người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất.

- Thống kê số lượng người bị nạn, tình trạng sức khỏe và báo cáo người chỉ huy để phục vụ công tác chỉ huy, điều hành.

Lưu ý: Trong quá trình triển khai cứu nạn, cứu hộ, các tổ công tác phải thường xuyên giữ liên lạc với người chỉ huy; chấp hành nghiêm sự chỉ huy, điều hành; bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia và ưu tiên cứu người trước khi tổ chức cứu tài sản.

Điều 71. Chiến thuật, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố sập đổ nhà, công trình

I. Chiến thuật, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ

Khi xảy ra sự cố sập đổ nhà, công trình, Đội trưởng Đội dân phòng nhanh chóng tổ chức lực lượng tiếp cận hiện trường, đánh giá sơ bộ mức độ sập đổ, phạm

vi ảnh hưởng, nguy cơ sập đổ tiếp theo và xác định vị trí có người bị mắc kẹt để triển khai cứu nạn, cứu hộ ban đầu.

Việc cứu nạn, cứu hộ được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Ưu tiên cứu người trước, sau đó mới tổ chức cứu tài sản.

- Chỉ tiếp cận khu vực sập đổ khi bảo đảm điều kiện an toàn; không tự ý đi vào khu vực có nguy cơ sập đổ thứ cấp.

- Khoanh vùng nguy hiểm, ngăn người không có nhiệm vụ vào hiện trường.

- Sử dụng các phương tiện, dụng cụ được trang bị để tạo lối tiếp cận, hỗ trợ đưa người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm.

- Trường hợp các cấu kiện có kích thước nhỏ, không ảnh hưởng đến an toàn, có thể tổ chức di chuyển bằng sức người hoặc dụng cụ cầm tay; không tự ý di chuyển các cấu kiện lớn, kết cấu chịu lực hoặc sử dụng máy móc khi chưa có đánh giá của lực lượng chuyên môn.

- Trong quá trình cứu người phải thường xuyên trấn an nạn nhân, giữ liên lạc nếu người bị nạn còn tỉnh táo và hướng dẫn họ giữ nguyên tư thế khi nghi ngờ bị chấn thương cột sống hoặc bị đè ép.

Đối với các trường hợp vượt quá khả năng xử lý của Đội dân phòng, phải nhanh chóng báo cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đồng thời duy trì công tác cảnh giới, bảo vệ hiện trường và hỗ trợ lực lượng chuyên nghiệp khi đến hiện trường.

II. Nhiệm vụ của Đội dân phòng khi xảy ra sự cố sập đổ

Khi nhận được tin báo, Đội dân phòng triển khai thực hiện đồng thời các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức tiếp cận hiện trường, đánh giá nhanh tình hình.

- Thiết lập khu vực an toàn, cảnh báo nguy hiểm và hướng dẫn người dân ra khỏi khu vực có nguy cơ sập đổ.

- Tìm kiếm, xác định vị trí người bị nạn và tổ chức cứu người trong phạm vi khả năng, điều kiện bảo đảm an toàn.

- Sử dụng các phương tiện, dụng cụ được trang bị để tạo lối tiếp cận, loại bỏ các vật cản nhỏ, hỗ trợ đưa người bị nạn ra ngoài.

- Tổ chức sơ cứu ban đầu, cố định cột sống, cổ khi nghi ngờ nạn nhân bị chấn thương; nhanh chóng bàn giao cho lực lượng y tế.

- Phối hợp với Công an xã bảo vệ hiện trường, giữ gìn an ninh, trật tự và điều tiết giao thông.

- Hướng dẫn, hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tiếp cận hiện trường; cung cấp đầy đủ thông tin về vị trí người bị nạn, diễn biến vụ việc và các nguy cơ có thể phát sinh.

III. Nguyên tắc bảo đảm an toàn

Đội viên Đội dân phòng khi tham gia cứu nạn, cứu hộ phải tuyệt đối chấp hành các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ mệnh lệnh của người chỉ huy.

- Không hoạt động đơn lẻ; luôn làm việc theo tổ, nhóm.

- Không tự ý vào khu vực có nguy cơ sập đổ thứ cấp khi chưa được đánh giá an toàn.

- Luôn sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân.

- Thường xuyên quan sát diễn biến hiện trường; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải lập tức rút khỏi khu vực nguy hiểm và báo cáo người chỉ huy.

- Không tự ý di chuyển các cấu kiện lớn hoặc kết cấu chịu lực của công trình.

- Không sử dụng các thiết bị vượt quá khả năng vận hành của Đội dân phòng.

- Bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia, người bị nạn và những người xung quanh trong suốt quá trình cứu nạn, cứu hộ.

IV. Yêu cầu về an toàn trong quá trình cứu nạn, cứu hộ

- Đội viên tham gia cứu nạn, cứu hộ phải được trang bị đầy đủ mũ bảo hộ, găng tay, giày bảo hộ, quần áo bảo hộ và các phương tiện cần thiết khác theo quy định.

- Khi làm việc vào ban đêm hoặc nơi thiếu ánh sáng phải bố trí đầy đủ thiết bị chiếu sáng.

- Khi hiện trường có khói, khí độc hoặc thiếu ôxy phải hạn chế tiếp cận; chỉ tổ chức cứu nạn khi có đủ phương tiện bảo đảm an toàn hoặc chờ lực lượng chuyên nghiệp đến xử lý.

- Trong quá trình cứu người phải hạn chế tối đa việc làm thay đổi tư thế của nạn nhân, đặc biệt đối với trường hợp nghi ngờ chấn thương cột sống hoặc chấn thương cổ.

V. Biện pháp phòng ngừa tai nạn thứ cấp

- Thiết lập vùng nguy hiểm và cử người cảnh giới.

- Theo dõi thường xuyên nguy cơ sập đổ tiếp theo của công trình.

- Loại bỏ các vật dụng nhỏ có nguy cơ rơi, đổ gây mất an toàn nếu bảo đảm điều kiện thực hiện.

- Không tập trung đông người trong khu vực sập đổ.

- Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt giữa người chỉ huy và các tổ công tác.

- Chuẩn bị đầy đủ phương tiện y tế, chiếu sáng, hậu cần và các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động cứu nạn, cứu hộ.

- Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường, Đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của chỉ huy

chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tiếp tục hỗ trợ bảo vệ hiện trường, cứu người, sơ tán tài sản và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu.

Điều 72. Kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Sau khi vụ cháy, tai nạn hoặc sự cố đã được khống chế, xử lý xong và có ý kiến của người chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc cơ quan có thẩm quyền, Đội dân phòng tổ chức thực hiện các công việc sau:

Bước 1. Kiểm tra hiện trường

- Kiểm tra toàn bộ khu vực xảy ra cháy, tai nạn hoặc sự cố nhằm phát hiện và xử lý kịp thời nguy cơ cháy trở lại, rò rỉ điện, rò rỉ khí hoặc các nguy cơ mất an toàn khác.

- Kiểm tra, xác nhận không còn người bị nạn, người mắc kẹt hoặc các tình huống nguy hiểm phát sinh.

Bước 2. Thu hồi lực lượng, phương tiện

- Thu hồi toàn bộ phương tiện, thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã triển khai.

- Vệ sinh, bảo quản và sắp xếp phương tiện đúng nơi quy định; kịp thời thay thế, sửa chữa hoặc đề xuất bổ sung các phương tiện bị hư hỏng, hao hụt.

Bước 3. Kiểm kê trang thiết bị và tài sản

- Kiểm kê số lượng, tình trạng phương tiện, thiết bị đã sử dụng.

- Tổng hợp các trang thiết bị bị hư hỏng, mất mát hoặc tiêu hao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thống kê thiệt hại về người, tài sản (nếu có) để phục vụ công tác báo cáo.

Bước 4. Phối hợp bảo vệ hiện trường và lập hồ sơ

- Phối hợp với Công an xã và các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật.

- Lập biên bản về quá trình tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; ghi nhận diễn biến vụ việc, lực lượng, phương tiện đã huy động, kết quả xử lý và các nội dung có liên quan.

Bước 5. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Đội trưởng Đội dân phòng hoặc người được phân công tổng hợp tình hình, lập báo cáo gửi Công an xã và UBND xã theo quy định.

- Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, nguyên nhân ban đầu (nếu xác định được), lực lượng, phương tiện tham gia, kết quả xử lý, thiệt hại về người và tài sản, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

Bước 6. Tổ chức rút kinh nghiệm

- Tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; phân tích những ưu điểm, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất các biện pháp khắc phục, bổ sung phương án, quy trình, trang thiết bị và tổ chức huấn luyện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Đội dân phòng.

- Đề nghị biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích; kiến nghị xử lý đối với các trường hợp vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm (nếu có).

Việc kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho lực lượng tham gia, bảo vệ nguyên trạng hiện trường theo quy định của pháp luật và sẵn sàng khôi phục trạng thái thường trực của Đội dân phòng để thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu.

CHƯƠNG XIV

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 73. Quản lý hồ sơ điện tử

Khuyến khích lập:

- Hồ sơ điện tử đội viên.
- Hồ sơ phương tiện.
- Hồ sơ diễn tập.
- Hồ sơ huấn luyện.
- Hồ sơ kiểm tra.

Điều 74. Quản lý bằng phần mềm

Công an xã hướng dẫn:

- Quản lý nhân sự.
- Quản lý thiết bị.
- Quản lý trực.
- Quản lý báo cáo.
- Quản lý kế hoạch.

Điều 75. Ứng dụng mạng xã hội

Khuyến khích sử dụng:

- Nhóm Zalo.
- Hệ thống OA của địa phương (nếu có).
- Hệ thống cảnh báo nhanh.
- Phải bảo đảm:
- Không đăng thông tin mật.
- Không phát tán hình ảnh chưa được phép.

- Không làm ảnh hưởng công tác điều tra.

CHƯƠNG XV

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 76. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các Đội dân phòng đã được thành lập trước ngày Quy chế này có hiệu lực tiếp tục hoạt động và rà soát, kiện toàn để phù hợp với Quy chế.

2. Trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày Quy chế có hiệu lực, Công an xã tham mưu UBND xã hoàn thành việc:

- Rà soát danh sách đội viên.
- Kiện toàn Đội trưởng, Đội phó (nếu cần).
- Cập nhật hồ sơ quản lý.
- Kiểm kê phương tiện, trang thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch huấn luyện và hoạt động.

Điều 77. Trách nhiệm của Công an xã

Là cơ quan thường trực, Công an xã có trách nhiệm:

1. Tham mưu UBND xã tổ chức triển khai Quy chế.

2. Hướng dẫn các thôn thực hiện thống nhất.

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

4. Tổng hợp kết quả, định kỳ báo cáo UBND xã và Công an cấp trên.

5. Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

Điều 78. Trách nhiệm của Trưởng thôn

1. Phối hợp quản lý hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn.

2. Tạo điều kiện về địa điểm sinh hoạt, bảo quản phương tiện và tổ chức tuyên truyền.

3. Phối hợp huy động lực lượng khi có cháy, nổ, sự cố hoặc theo yêu cầu của UBND xã.

Điều 79. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn

1. Phối hợp với Đội dân phòng trong công tác phòng ngừa, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Cung cấp thông tin khi phát hiện nguy cơ cháy, nổ.

3. Tham gia diễn tập, tuyên truyền và xây dựng phong trào toàn dân PCCC.

Điều 80. Tổ chức thực hiện

1. Công an xã chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Công an xã để tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét sửa đổi, bổ sung./.